

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG NHẬN HOÀN TIỀN NGÀY 10.10

Stt	Họ tên khách hàng	4 Số cuối thẻ	Số tiền hoàn (VND)
1	BUI PHUONG THAO	5154	200,000
2	DANG THI ANH THU	7440	200,000
3	DANG TIEN THAI	9915	200,000
4	DAO DINH DINH	7343	200,000
5	DINH THI THUY	6090	200,000
6	DO THI MONG HOANG	9402	200,000
7	DO THI SAO MAI	7850	200,000
8	DO THI THUY DUONG	7879	200,000
9	DUONG THANH KHANG	0158	200,000
10	HOANG NU THUY LIEN	3753	200,000
11	HUYNH ANH HUYEN TRAM	8130	200,000
12	HUYNH HOANG HUY	6773	200,000
13	HUYNH NGUYEN DUONG	7627	200,000
14	HUYNH T THANH NGOC	8376	200,000
15	HUYNH THANH TAM	5211	200,000
16	LE DAI TRANG	5326	200,000
17	LE THI BINH	8319	200,000
18	LE THI HOANG NI	7682	200,000
19	LE VAN DANG	9251	200,000
20	LUU PHAN HOANG QUYNH LINH	2051	200,000
21	LY NGOC DONG HA	3984	200,000
22	NGO PHAM QUYNH NHU	1813	200,000
23	NGO THI THU HONG	0419	200,000
24	NGO VAN KHOI	5584	200,000
25	NGO XUAN SON	7395	200,000
26	NGUYEN ANH TUAN	7267	200,000
27	NGUYEN DINH HOA	1978	200,000
28	NGUYEN HO THANH VAN	6816	200,000
29	NGUYEN HOANG THIEN TRUC	1961	200,000
30	NGUYEN MINH HONG	2736	200,000

Stt	Họ tên khách hàng	4 Số cuối thẻ	Số tiền hoàn (VND)
31	NGUYEN MINH TUAN	0868	200,000
32	NGUYEN NGOC MY DUYEN	1835	200,000
33	NGUYEN NHU THO	6888	200,000
34	NGUYEN NOEN	8628	200,000
35	NGUYEN T THANH THUY	2346	200,000
36	NGUYEN TAM NINH	7112	200,000
37	NGUYEN THI HANH	1348	200,000
38	NGUYEN THI KIEU LAN	0003	200,000
39	NGUYEN THI NGOC ANH	2262	200,000
40	NGUYEN THI NHU HANG	8235	200,000
41	NGUYEN THI QUE HUONG	8717	200,000
42	NGUYEN THI THANH NGA	0726	200,000
43	NGUYEN THI THU HOAI	9475	200,000
44	NGUYEN THI TIN	2496	200,000
45	NGUYEN THI TRANG	4609	200,000
46	NGUYEN THUY DUONG	5855	200,000
47	NGUYEN THUY HA	3061	200,000
48	NGUYEN TIEN DUNG	6081	200,000
49	NGUYEN TUONG VY	0566	200,000
50	NGUYEN VAN DUC	9386	200,000
51	NGUYEN VAN THANH	1071	200,000
52	NGUYEN VU PHONG	6868	200,000
53	PHAM THI HUYNH MAI	0557	200,000
54	PHAM THI QUYNH MAI	9685	200,000
55	PHAM TUYET KIEU TRINH	2223	200,000
56	PHAN THI NHA	8683	200,000
57	PHAN THI PHUNG	4470	200,000
58	PHAN THI THU THUY	1153	200,000
59	TIEN NGOC YEN	5588	200,000
60	TONG THAI MONG TUYEN	9954	200,000
61	TRAN HONG NHUT	7581	200,000
62	TRAN HONG OANH	0714	200,000
63	TRAN HUYNH MAI	6586	200,000

Stt	Họ tên khách hàng	4 Số cuối thẻ	Số tiền hoàn (VND)
64	TRAN NU HOANG ANH	4035	200,000
65	TRAN THANH DANH	1105	200,000
66	TRAN THI DIEM HONG	0500	200,000
67	TRAN THI MY NHAN	7575	200,000
68	TRAN VAN TRIEU	6552	200,000
69	TRUONG LU GIA HAN	3067	200,000
70	TRUONG MAI DAN CHIEU	3532	200,000
71	TRUONG THI HAI THU	2561	200,000
72	TRUONG THI XUYEN	6267	200,000
73	VO MINH TRUONG	1938	200,000
74	VO NGUYEN HOAI THU	8133	200,000
75	VO THANH LUON	6962	200,000